

Số: 391 /2015/CV-CK-SGW.FI

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ quý 3 năm 2015

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ tại thời điểm Quý 3 năm 2015 và Quý 3 năm 2014 như sau:

Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2015, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn đạt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế như sau:

Chỉ tiêu	Quý 3 năm 2014	Quý 3 năm 2015	Đơn vị tính: đồng
			Tăng (+) giảm (-) kỳ này so với cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.467.785.195	(1.505.592.405)	(4.973.827.600)

Trong quý 3 năm 2015 hoạt động của Công ty mẹ vẫn phát triển ổn định, công ty vẫn tiếp tục duy trì hoạt động đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết thuộc ngành hạ tầng nước, tuy nhiên trong quý 3 năm 2015 công ty chưa nhận được cổ tức, lợi nhuận được chia nên doanh thu hoạt động tài chính giảm 4.666.652.105 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Mặc khác, trong quý 3 năm 2015 công ty có sử dụng vốn vay ngân hàng để đầu tư vào các dự án mới thuộc ngành hạ tầng nước nên chi phí tài chính quý 3 năm 2015 tăng 1.430.000.000 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hoạt động tài chính giảm, chi phí hoạt động tài chính tăng là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm trước như đã nêu trên.

Chúng tôi cam kết giải trình trên đây đúng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:
+ Như trên
+ Lưu



Trương Khắc Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 29

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

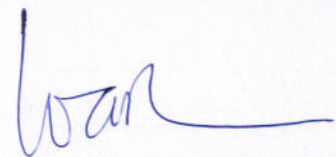
MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		765.935.717.634	412.248.207.570
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.806.007.183	128.800.461.557
1. Tiền	111		6.806.007.183	101.000.461.557
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	27.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		734.316.523.054	282.115.660.876
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.419.746.915	5.557.952.402
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	371.574.405.849	770.923.759
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	95.918.080.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	265.445.436.525	276.055.990.950
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(41.146.235)	(269.206.235)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	1.001.666.561	411.083.137
1. Hàng tồn kho	141		1.001.666.561	411.083.137
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.811.520.836	921.002.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		102.782.200	29.761.913
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.708.738.636	862.844.660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7.a	-	28.395.427
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		690.986.901.275	359.764.694.838
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		59.030.656.175	33.230.656.175
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	59.030.656.175	33.230.656.175
II. Tài sản cố định	220		630.999.605	883.468.256
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	630.999.605	883.468.256
- Nguyên giá	222		1.996.415.825	1.996.415.825
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.365.416.220)	(1.112.947.569)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		231.846.835.164	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		231.846.835.164	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		399.129.139.000	324.908.839.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	151.362.700.000	149.862.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	53.184.244.000	31.748.744.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	194.582.195.000	143.297.395.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		349.271.331	741.731.407
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		349.271.331	741.731.407
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.456.922.618.909	772.012.902.408

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	30/09/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		687.560.717.088	2.029.474.514
I. Nợ ngắn hạn	310		587.560.717.088	2.029.474.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		113.868.282.496	178.118.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	221.100.980	243.699.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7.b	75.948.791	41.392
4. Phải trả người lao động	314		-	638.874.955
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	119.010.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3.122.262.056	850.289.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	470.000.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		154.112.765	118.451.765
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	100.000.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		769.361.901.821	769.983.427.894
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	769.361.901.821	769.983.427.894
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		583.700.000.000	583.700.000.000
- cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		583.700.000.000	583.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		119.923.034.000	119.923.034.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.342.139.270	1.667.578.270
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63.396.728.551	64.692.815.624
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63.343.693.624	64.692.815.624
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53.034.927	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.456.922.618.909	772.012.902.408



Trần Thị Ngọc Loan
 Người lập biểu
 Ngày 12 tháng 11 năm 2015



Bùi Quốc Dũng
 Kế toán trưởng

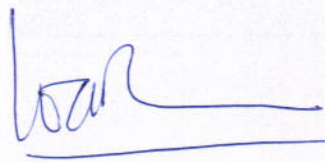


Trương Khắc Hoàn
 Tổng Giám đốc

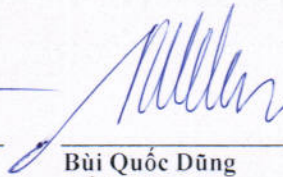
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	948.770.936	-	1.413.944.345	2.624.788.069
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		948.770.936	-	1.413.944.345	2.624.788.069
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	753.418.946	-	1.039.928.714	1.924.180.042
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		195.351.990	-	374.015.631	700.608.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.294.724.110	6.961.376.215	10.396.199.377	18.209.241.035
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	1.430.000.000	-	1.912.568.838	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.430.000.000</i>	-	<i>1.910.000.000</i>	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.566.118.505	3.493.591.020	8.805.416.923	9.926.893.332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.506.042.405)	3.467.785.195	52.229.247	8.982.955.730
11. Thu nhập khác	31	VI.5	663.215.100	-	683.715.100	96.915.300
12. Chi phí khác	32	VI.6	662.765.100	-	682.909.420	-
13. Lợi nhuận khác	40		450.000	-	805.680	96.915.300
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.505.592.405)	3.467.785.195	53.034.927	9.079.871.030
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.505.592.405)	3.467.785.195	53.034.927	9.079.871.030
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.8	(26)	59	1	156
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					



Trần Thị Ngọc Loan
 Người lập biểu
 Ngày 12 tháng 11 năm 2015



Bùi Quốc Dũng
 Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	QUÝ 3 NĂM 2015		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
		Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	5.811.770.192	641.988.496	6.400.862.882	4.351.890.676
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.470.273.665)	(1.412.331.248)	(7.548.596.532)	(4.391.400.471)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.536.587.511)	(2.474.374.914)	(7.983.370.211)	(6.189.524.914)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.430.000.000)	-	(1.910.000.000)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.810.578.253	759.201.312	2.730.679.328	1.273.635.291
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.426.360.861)	(2.142.656.312)	(2.988.954.237)	(4.404.608.164)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(240.873.592)</i>	<i>(4.628.172.666)</i>	<i>(11.299.378.770)</i>	<i>(9.360.007.582)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng, TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(508.278.400.948)	-	(508.278.400.948)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	-	-	(95.918.080.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(400.000.000)	(7.465.700.000)	(83.746.300.000)	(13.736.700.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.199.540.000	-	2.199.540.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	88.608.270	6.326.212.446	7.247.705.344	14.086.123.022
<i>lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(508.589.792.678)</i>	<i>1.060.052.446</i>	<i>(680.695.075.604)</i>	<i>2.548.963.022</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
3. Tiền thu từ đi vay	33	580.000.000.000	-	640.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(70.000.000.000)	-	(70.000.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>510.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>570.000.000.000</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.169.333.730	(3.568.120.220)	(121.994.454.374)	(6.811.044.560)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.636.673.453	189.799.696.347	128.800.461.557	193.042.620.687
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.806.007.183	186.231.576.127	6.806.007.183	186.231.576.127

Loan

Trần Thị Ngọc Loan
 Người lập biểu
 Ngày 12 tháng 11 năm 2015

Bui Quoc Dung

Bùi Quốc Dũng
 Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoành
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002620 ngày 27 tháng 8 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh lần thứ 14 ngày 17 tháng 10 năm 2013.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ sở hữu là 55,94%.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch – nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính) và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động Chính trong kỳ của Công ty là đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty đã mua 1.432 cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, tương đương tỷ lệ sở hữu là 28,66%.

Công ty đã mua 3.374.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ trị giá 51.284.800.000 VND, tương đương tỷ lệ sở hữu là 12,05%

Công ty sở hữu 85% cổ phần của Công ty CP Kỹ Thuật Enviro (Enviro), trong kỳ Enviro đã mua 6.310.400 cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ trị giá 95.918.080.000 VND, tương đương tỷ lệ sở hữu của Enviro là 22,54%. Công ty sở hữu 19,16% cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ gián tiếp qua công ty con là Công ty CP Kỹ Thuật Enviro.

Công ty đã thành lập Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi với tỷ lệ đăng ký góp là 99,98% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

Thông tin về công ty con

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	Tỉnh gia lai	59,08%	55%	Xây dựng công trình kỹ thuật trong lĩnh vực hạ tầng cấp thoát nước, khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty Cổ phần Giải Pháp Mạng Nước Châu Á (i)	Hồ Chí Minh	0%	51%	Dịch vụ tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động liên quan đến dịch vụ quản lý và giám sát thoát nước. Thi công xây dựng, sửa chữa các đường ống cung cấp nước.
Công ty TNHH Cấp Thoát Nước Củ Chi (i)	Hồ Chí Minh	100%	99,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.

(i) Các công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn.

Thông tin về Công ty liên kết

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Long An	Long An	25,77%	25,77%	Khai thác, cung cấp nước sạch; sản xuất nước uống đóng chai.
Công ty Cổ phần Cấp Nước Tân Hòa	Hồ Chí Minh	28,66%	28,66%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh III, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty đã áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200. Một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được trình bày lại theo thông tư này. Do đó số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký quỹ, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

5. Nợ phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại ngày báo cáo. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm
6 – 10
3 – 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

13. Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	4.144.438.280	486.151
Tiền gửi ngân hàng	2.661.568.903	100.999.975.406
Các khoản tương đương tiền (*)	-	27.800.000.000
Cộng	6.806.007.183	128.800.461.557

(*) : Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng.

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Kỹ Thuật Enviro	-	5.288.746.167
Phải thu khách hàng sử dụng nước sạch ở Huyện Củ Chi	612.701.370	-
Công ty CP giải pháp mạng nước Châu Á	686.699.310	-
Các khoản phải thu khác	120.346.235	269.206.235
Cộng	1.419.746.915	5.557.952.402

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí cho dự án Củ Chi	370.965.008.973	-
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Rồng Vàng	286.676.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	773.249.838	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	350.000.000.000	-
Công ty TNHH SX TM Nam Đại Thành	960.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng Technicons	945.083.135	-
Chi phí hoạt động	609.396.876	770.923.759
Công ty TNHH Rồng Bay	415.660.687	397.379.745
Các khoản trả trước khác	193.736.189	373.544.014
Cộng	371.574.405.849	770.923.759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Kỹ Thuật Enviro (i)	95.918.080.000	-
Cộng	95.918.080.000	-

(i) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/15-HĐĐT-SGW ngày 8 tháng 5 năm 2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro vay nhằm mục đích tái cơ cấu vốn, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng đảo hạn khi một trong hai bên có yêu cầu thanh lý hợp đồng nhưng không quá 12 tháng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác	265.445.436.525	276.055.990.950
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh (i)	259.770.714.696	272.670.714.696
Công ty CP Kỹ Thuật Enviro	2.944.821.182	-
Công ty Cổ Phần chứng khoán Việt Thành		-
Tạm ứng cho nhân viên	1.429.900.647	2.354.375.300
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.300.000.000	800.000.000
Phải thu khác		230.900.954
b. Phải thu dài hạn khác	59.030.656.175	33.230.656.175
Ký cược, ký quỹ dài hạn		
+ Đặt cọc tiền thuê văn phòng	373.305.064	373.305.064
+ Đặt cọc tiền mua cổ phần Công ty CP Nước Tân Hiệp (ii)	58.657.351.111	32.857.351.111
Cộng	324.476.092.700	309.286.647.125

(i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, bao gồm:

- Phải thu từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside với giá trị là 257.115.114.974 VND.
- Phải thu từ việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp và quyền góp vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận cho CII là 2.655.599.722 VND.

(ii) Khoản đặt cọc tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp được thực hiện theo hợp đồng khung số 02/2014/HĐ - SGW.BD ký ngày 13 tháng 10 năm 2014. Theo đó, Công ty phải đặt cọc cho CII tổng số tiền là 103.200.000.000 VND, giải ngân theo từng đợt góp vốn của CII vào Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp. Mục đích của khoản đặt cọc này là sau khi việc góp vốn của CII vào Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp hoàn thành, CII sẽ chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tương đương với 43% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp cho Công ty. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình đặt cọc theo tiến độ góp vốn của CII.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	904.751.261	-	314.167.837	-
Hàng hóa	96.915.300	-	96.915.300	-
Cộng	1.001.666.561	-	411.083.137	-

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp		Số đã thực nộp	
	01/01/2015	trong kỳ	trong kỳ	30/09/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản thuế phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	28.395.427	(28.395.427)	-	-
b. Các khoản thuế phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.392	-	-	41.392
Thuế thu nhập cá nhân	-	489.894.599	432.694.214	57.200.385
Thuế tài nguyên	-	21.970.419	17.790.264	4.180.155
Phí bảo vệ môi trường	-	73.234.730	58.707.871	14.526.859
Cộng	28.436.819	556.704.321	509.192.349	75.948.791

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	1.966.415.825	30.000.000	1.996.415.825
Tại ngày 30/09/2015	1.966.415.825	30.000.000	1.996.415.825
KHẤU HAO			
Tại ngày 01/01/2015	1.089.614.241	23.333.328	1.112.947.569
Trích khấu hao trong năm	245.801.979	6.666.672	252.468.651
Tại ngày 30/09/2015	1.335.416.220	30.000.000	1.365.416.220
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	876.801.584	6.666.672	883.468.256
Tại ngày 30/09/2015	630.999.605	-	630.999.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/09/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	2.550.000.000	-	-	2.550.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	43.312.700.000	-	-	42.312.700.000	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	105.000.000.000	-	-	105.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi (i)	500.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á(i)	-	-	-	-	-	-
Cộng	151.362.700.000	-	-	149.862.700.000	-	-

(i) Các công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn .

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	30/09/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Long An	31.748.744.000	-	-	31.748.744.000	-	-
Công ty liên kết vào Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	21.435.500.000	-	-	-	-	-
Cộng	53.184.244.000	-	-	31.748.744.000	-	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/09/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000			143.153.395.000	-	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	51.284.800.000			-	-	-
Đầu tư vốn vào đơn vị khác	144.000.000			144.000.000	-	-
Cộng	194.582.195.000	-	-	143.297.395.000	-	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV Quốc tế Vạn Hưng Đức	61.697.500	123.395.000
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	498.031.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	109.719.497.721	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	1.372.053.002	-
Công ty TNHH Công trình cấp thoát nước và Hạ tầng đô thị	259.934.139	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nước và môi trường Đại Việt	268.642.140	-
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư công nghệ Hoàng Giang	837.485.982	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn giao thông Công Chánh	389.072.697	-
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư Khai Sáng	404.219.016	-
Các đối tượng khác	57.648.899	54.723.362
Cộng	113.868.282.496	178.118.362

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Cấp Nước Sài Gòn - Pleiku	121.849.520	243.699.040
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất nhập khẩu Việt	99.251.460	-
Cộng	221.100.980	243.699.040

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV Quốc tế Vạn Hưng Đức	119.010.000	-
Cộng	119.010.000	-

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	86.417.500	-
Cổ tức phải trả	16.500.000	16.500.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	833.789.000	833.789.000
Công ty CP Kỹ Thuật Enviro	472.500.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh	1.713.055.556	-
Cộng	3.122.262.056	850.289.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/09/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán
		VND				VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh (i)	260.000.000.000	260.000.000.000	260.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Kỹ Thuật Enviro (ii)	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng Phát triển nhà Việt Nam - Trung tâm Kinh doanh (iii)	140.000.000.000	140.000.000.000	210.000.000.000	70.000.000.000	-	-
Cộng	470.000.000.000	470.000.000.000	540.000.000.000	70.000.000.000	-	-

- i. Số dư khoản vay ngắn hạn từ công ty cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TPHCM tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, thể hiện khoản vay theo Hợp đồng hỗ trợ vốn ngắn hạn được sử dụng với mục đích bổ sung vốn để thực hiện Dự án Xã Hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 2015-2019. Theo Hợp đồng hỗ trợ vốn số 50/2015/HĐ-CII ngày 30/06/2015 trị giá khoản vay là 50 tỷ đồng thời hạn vay là 12 tháng lãi suất sẽ bằng lãi suất CII vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tại cùng thời điểm và hợp đồng số 74/2015/HĐ-CII ngày 21/09/2015 trị giá khoản vay là 210 tỷ thời hạn vay là 12 tháng lãi suất là 11%/năm.
- ii. Số dư khoản vay ngắn hạn từ công ty cổ phần kỹ thuật Enviro tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, thể hiện khoản vay theo Hợp đồng hỗ trợ vốn ngắn hạn được sử dụng với mục đích bổ sung vốn để thực hiện Dự án Xã Hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 2015-2019. Theo Hợp đồng hỗ trợ vốn số KT01/2015/HĐ-ENVIRO ngày 04/09/2015 trị giá khoản vay là 70 tỷ đồng thời hạn vay là 12 tháng lãi suất sẽ bằng lãi suất Saigon Water vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam tại cùng thời điểm.
- iii. Số dư khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện theo hai hợp đồng gồm: hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1410/TT/15/HĐTDNH-DN/068 ngày 27 tháng 05 năm 2015 với khoản nợ gốc là 60 tỷ đồng. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/15-HĐĐT-SGW ngày 8 tháng 5 năm 2015. Lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Công ty đã sử dụng 409.114 Cổ phần Công ty CP BOO Nước Thủ Đức phát hành và 3.143.440 Cổ phần Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Long An với tổng giá trị là 87.585.000.000 VND để thế chấp khoản vay này. Và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2535TT ngày 23 tháng 07 năm 2015 với khoản nợ gốc là 150 tỷ đồng. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn ngắn hạn được sử dụng với mục đích bổ sung vốn để thực hiện Dự án Xã Hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 2015-2019. Lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Công ty sử dụng tài sản đảm bảo là Sổ tiết kiệm/ hợp đồng tiền gửi của công ty hoặc bên thứ ba để thế chấp khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/09/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán
		VND				VND
Sở Tài Chính TP.HCM	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-

Theo quyết định số 3504/QĐ-UBND TPHCM ngày 20/07/2015 quyết định về phê duyệt đề án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 2015-2019 thì UBND thành phố chấp thuận cho Saigon Water vay không lãi số tiền là 600 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách thành phố để thực hiện dự án, thời gian vay vốn là 07 năm và giải ngân số tiền này theo tiến độ thi công công trình đến hết năm 2015. Số dư nợ vay này thể hiện số tiền Saigon Water đã nhận được từ ngân sách thành phố để thực hiện Đề án Xã Hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 2015-2019.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	583.700.000.000	119.923.034.000	1.667.578.270	56.481.742.184	761.772.354.454
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	8.211.073.440	8.211.073.440
Số dư tại ngày 01/01/2015	583.700.000.000	119.923.034.000	1.667.578.270	64.692.815.624	769.983.427.894
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	53.034.927	53.034.927
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	674.561.000	(674.561.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(674.561.000)	(674.561.000)
Số dư tại ngày 30/09/2015	583.700.000.000	119.923.034.000	2.342.139.270	63.396.728.551	769.361.901.821

Tại ngày 21 tháng 4 năm 2015, đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014. Theo đó Công ty trích lập quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và không chia cổ tức năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu

	30/09/2015	01/01/2015
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	58.370.000	58.370.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	58.370.000	58.370.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	30/06/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND
Công ty mẹ - Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh	55,94%	326.521.780.000	49,13%	286.771.810.000
Các cổ đông khác	44,06%	257.178.220.000	50,87%	296.928.190.000
Cộng:	100%	583.700.000.000	100%	583.700.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch	216.423.636	-	681.597.045	2.624.788.069
Doanh thu kinh doanh nước sạch	732.347.300	-	732.347.300	-
Cộng	948.770.936	-	1.413.944.345	2.624.788.069

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch	144.704.527	-	431.214.295	1.924.180.042
Giá vốn kinh doanh nước sạch	608.714.419	-	608.714.419	-
Cộng	753.418.946	-	1.039.928.714	1.924.180.042

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.294.724.110	3.279.350.215	5.771.760.529	10.845.189.035
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.682.026.000	4.624.438.848	7.364.052.000
Cộng	2.294.724.110	6.961.376.215	10.396.199.377	18.209.241.035

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	1.430.000.000	-	1.910.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá từ khai hàng nhập khẩu	-	-	2.568.838	-
Cộng	1.430.000.000	-	1.912.568.838	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. THU NHẬP KHÁC

	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND	VND	VND
Thanh lý TSCĐ	-	-	20.500.000	-
Hàng mẫu không thanh toán	-	-	-	96.915.300
Ngân hàng Eximbank - chi thưởng chương trình nhận niềm tin - nhận ưu đãi	450.000	-	450.000	-
Thu hoàn trả tiền thanh toán hộ Công ty con - Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	662.765.100	-	662.765.100	-
Cộng	663.215.100	-	683.715.100	96.915.300

6. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 3		VND	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND	VND	VND
Thanh lý TSCĐ	-	-	20.144.320	-
Chi hộ Công ty con - Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	662.765.100	-	662.765.100	-
Cộng	662.765.100	-	682.909.420	-

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận phát sinh trong kỳ trước thuế	(1.505.592.405)	3.467.785.195	53.034.927	9.079.871.030
Thu nhập chịu thuế	(1.505.592.405)	3.467.785.195	53.034.927	9.079.871.030
Thu nhập miễn thuế	-	3.682.026.000	4.624.438.848	7.364.052.000
Số lỗ chuyển kỳ này	-	-	-	1.930.059.835
Thu nhập tính thuế	(1.505.592.405)	(214.240.805)	(4.571.403.921)	(214.240.805)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20%	22%	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Trong kỳ Công ty không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.505.592.405)	3.467.785.195	53.034.927	9.079.871.030
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	58.370.000	58.370.000	58.370.000	58.370.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(26)	59	1	156



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	470.000.000.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.806.007.183	128.800.461.557
Nợ thuần	463.193.992.817	-
Vốn chủ sở hữu	583.700.000.000	583.700.000.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	79%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	6.806.007.183	128.800.461.557
Phải thu khách hàng	1.419.746.915	5.557.952.402
Phải thu khác	301.032.860.350	242.025.334.775
Đầu tư tài chính dài hạn	399.129.139.000	324.908.839.000
Các khoản ký quỹ	60.330.656.175	34.030.656.175
Tổng Cộng	768.718.409.623	735.323.243.909
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	570.000.000.000	-
Phải trả người bán	113.868.282.496	178.118.362
Phải trả khác	3.122.262.056	850.289.000
Chi phí phải trả	119.010.000	-
Tổng Cộng	687.109.554.552	1.028.407.362

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015:				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	6.806.007.183	-	-	6.806.007.183
Phải thu khách hàng	1.419.746.915	-	-	1.419.746.915
Phải thu khác	301.032.860.350	-	-	301.032.860.350
Đầu tư tài chính dài hạn	-	399.129.139.000	-	399.129.139.000
Các khoản ký quỹ	1.300.000.000	59.030.656.175	-	60.330.656.175
Cộng	310.558.614.448	458.159.795.175	-	768.718.409.623
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	470.000.000.000	100.000.000.000	-	570.000.000.000
Phải trả người bán	113.868.282.496	-	-	113.868.282.496
Phải trả khác	3.122.262.056	-	-	3.122.262.056
Chi phí phải trả	119.010.000	-	-	119.010.000
Tổng Cộng	587.109.554.552	100.000.000.000	-	687.109.554.552
Chênh lệch thanh khoản thuần	(276.550.940.104)	358.159.795.175	-	81.608.855.071
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 :				
Tiền và tương đương tiền	128.800.461.557	-	-	128.800.461.557
Phải thu khách hàng	5.557.952.402	-	-	5.557.952.402
Phải thu khác	242.025.334.775	-	-	242.025.334.775
Đầu tư tài chính dài hạn	-	324.908.839.000	-	324.908.839.000
Các khoản ký quỹ	34.030.656.175	-	-	34.030.656.175
Tổng Cộng	410.414.404.909	324.908.839.000	-	735.323.243.909
Phải trả người bán	178.118.362	-	-	178.118.362
Phải trả khác	850.289.000	-	-	850.289.000
Tổng Cộng	1.028.407.362	-	-	1.028.407.362
Chênh lệch thanh khoản thuần	409.385.997.547	324.908.839.000	-	734.294.836.547

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty con
Công ty Cổ phần giải pháp mạng nước Châu Á	Công ty con
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/09/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ		
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn - Cung cấp dịch vụ tư vấn cho Công ty Cổ Phần Cấp Nước Sài Gòn - Pleiku	346.163.409	1.523.913.636
Công ty TNHH cấp Thoát Nước Củ Chi - Cung cấp dịch vụ vận hành 07 trạm cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	608.714.419	-
Số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ Phần kỹ thuật Enviro	95.918.080.000	-
Cộng:	95.918.080.000	-
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ Phần Giải Pháp Mạng Nước Châu Á	686.699.310	-
Công ty Cổ Phần kỹ thuật Enviro	-	5.288.746.167
Cộng:	686.699.310	5.288.746.167
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ Phần kỹ thuật Enviro	2.944.821.182	216.250.954
Công ty CP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	259.770.714.696	272.670.714.696
Cộng:	262.715.535.878	272.886.965.650
Các khoản phải trả		
Nhận tiền trước từ cty con - Công ty Cổ Phần Cấp Nước Sài Gòn Pleiku	121.849.520	243.699.040
Cộng:	121.849.520	243.699.040
Các khoản vay ngắn hạn		
Công ty Cổ Phần kỹ thuật Enviro	70.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	260.000.000.000	-
Cộng:	330.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Lương và thưởng	1.616.358.363	1.385.290.598

3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu trên Bảng cân đối kế toán của báo cáo kỳ trước được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này.



Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 12 tháng 11 năm 2015



Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

